

Bản án số: **67** /2022/DS-ST

Ngày: 18 - 5 - 2022

“ V/v tranh chấp hợp đồng thẻ
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S(Sacombank)

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S

Bà Nguyễn Đức Thạch Dủy quyền cho ông: Nguyễn Thế C- Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Sông Hàn (Theo Văn ủy quyền số 1573/2021/QĐ-NS ngày 13 tháng 4 năm 2021.

Nguyễn Thế Củy quyền cho ông Trương Đình V- Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Sông Hàn

(Theo Văn bản ủy quyền số 179/2020/GUQ- CNSH ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Văn bản ủy quyền số 591/2021/GUQ-CNSH ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Địa chỉ liên hệ: Số 240 Ng, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Bà Ông Thị Ngọc H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 34 C, phường H, quận C, Đà Nẵng.

(Ông Vcó mặt, bà Hvắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Đình V trình bày:

Vào ngày 12 tháng 10 năm 2018 Ngân hàng TMCP S (Sacombank) và Bà Ông Thị Ngọc H đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ vào thu nhập của Bà Ông Thị Ngọc H Sacombank đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng Bà Ông Thị Ngọc H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 91.116.255 đồng. Lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 lãi suất thay đổi 2,6%/tháng và được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 88.203.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 23 tháng 4 năm 2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 18 tháng 5 năm 2022 bà Ông Thị Ngọc H còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền: 41.521.033 đồng. Trong đó nợ gốc 27.528.316 đồng và lãi quá hạn 13.992.717 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Vì vậy bà H đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 18 tháng 5 năm 2022 tổng cộng số tiền: 41.521.033 đồng. Trong đó nợ gốc 27.528.316 đồng và lãi quá hạn 13.992.717 đồng và lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2022 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2018 cho đến khi bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

** Tại bản tự khai ngày 19 tháng 11 năm 2021 bị đơn Bà Ông Thị Ngọc H trình bày:*

Bà xác nhận có vay tiền tại Ngân hàng TMCP S như Ngân hàng trình bày là

đúng sự thật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn thua lỗ, nên bà đã không thanh toán cho Ngân hàng theo như Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng yêu cầu bà trả nợ bà đồng ý trả theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng bà không có tiền để trả một lần, bà xin trả vào tháng 3 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Bà Ông Thị Ngọc H đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng Bà Ông Thị Ngọc H vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà Ông Thị Ngọc H.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Syêu cầu Bà Ông Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến 18 tháng 5 năm 2022 tổng cộng số tiền: 41.521.033 đồng. Trong đó nợ gốc 27.528.316 đồng và lãi quá hạn 13.992.717 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2022 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2018 cho đến khi bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Svà Bà Ông Thị Ngọc H có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 401,402,405 của bộ luật dân sự năm 2015. Đây là hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ có hạn mức tối đa giao dịch là 25.000.000 đồng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay Bà Ông Thị Ngọc H đã thanh toán cho Ngân Hàng số tiền là 88.203.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/4/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nêu trên là có căn cứ phù hợp với các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 18 tháng 5 năm

2022 tổng cộng số tiền: 41.521.033 đồng. Trong đó nợ gốc 27.528.316 đồng và lãi quá hạn 13.992.717 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2022 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2018 cho đến khi bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí DSST: Án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định của pháp luật là 2.076.051 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với Bà Ông Thị Ngọc H về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Xử:

1. Buộc Bà Ông Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền là: **41.521.033 đồng. (Bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng)**. Trong đó nợ gốc 27.528.316 đồng và lãi quá hạn 13.992.717 đồng (lãi tính đến ngày 18 tháng 5 năm 2022)

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2022) Bà Ông Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ông Thị Ngọc H có nghĩa vụ nộp là 2.076.051 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm năm mươi một đồng)

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 767.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001506 ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

